

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2018

| Stt | Họ và tên người được cấp bằng |        | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh              | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn | Ngày bảo vệ | Tên ngành đào tạo   | Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ | Số hiệu văn bằng | Số vào sổ gốc cấp văn bằng |
|-----|-------------------------------|--------|---------------------|-----------------------|-----------|---------|-----------|-------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------------------------------------|------------------|----------------------------|
| 1   | Hồ Thị Minh                   | Phuong | 18/4/1986           | Phú Thọ               | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/08/2017               | 28/08/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800024    | 18/MBA/2018                |
| 2   | Nguyễn Thị Ngọc               | Trâm   | 15/12/1987          | Vĩnh Long             | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 106/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 01/02/2018               | 07/02/2018  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800025    | 19/MBA/2018                |
| 3   | Thị Bích                      | Châu   | 10/3/1987           | Sa Đéc - Đồng Tháp    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 128/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/02/2017               | 28/02/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800026    | 20/MBA/2018                |
| 4   | Hoàng Vũ                      | Cường  | 28/8/1981           | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/08/2017               | 28/08/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800027    | 21/MBA/2018                |
| 5   | Phan Quang                    | Khánh  | 5/4/1988            | Nghệ An               | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 128/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/02/2017               | 27/02/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800028    | 22/MBA/2018                |
| 6   | Nguyễn Thị Huế                | Trâm   | 26/10/1989          | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 128/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/02/2017               | 27/02/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800029    | 23/MBA/2018                |
| 7   | Đình Nguyễn Gia               | Ân     | 14/5/1987           | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ        |         | Việt Nam  | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/08/2017               | 30/08/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800030    | 24/MBA/2018                |
| 8   | Lôi Kim                       | Châu   | 28/11/1992          | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 106/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 01/02/2018               | 05/02/2018  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800031    | 25/MBA/2018                |
| 9   | Võ Thị Nguyễn Hằng            | Dương  | 20/9/1990           | Bình Dương            | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 106/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 01/02/2018               | 01/09/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800032    | 26/MBA/2018                |
| 10  | Nguyễn Xuân Đăng              | Khoa   | 15/9/1991           | An Giang              | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/08/2017               | 30/08/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800033    | 27/MBA/2018                |
| 11  | Đào Thị Ngọc                  | Lan    | 22/2/1970           | Thanh Hoá             | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/08/2017               | 30/08/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800034    | 28/MBA/2018                |
| 12  | Nguyễn Thị Xuân               | Mai    | 7/6/1989            | Đồng Tháp             | Nữ        |         | Việt Nam  | 128/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 23/02/2017               | 27/02/2017  | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019                  | QH12201800035    | 29/MBA/2018                |

|    |                       |            |                       |     |      |          |                                   |            |                     |                                  |               |             |
|----|-----------------------|------------|-----------------------|-----|------|----------|-----------------------------------|------------|---------------------|----------------------------------|---------------|-------------|
| 13 | Nguyễn Công Minh      | 28/5/1991  | Cần Thơ               | Nam | Kinh | Việt Nam | 128/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/02/2017 | 03/03/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800036 | 30/MBA/2018 |
| 14 | Lê Kim Ngân           | 17/2/1992  | Tiền Giang            | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 31/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800037 | 31/MBA/2018 |
| 15 | Dương Thị Hạnh Phương | 12/1/1990  | Quảng Nam             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 01/09/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800038 | 32/MBA/2018 |
| 16 | Lê Thị Ánh Tâm        | 16/9/1990  | Quảng Ngãi            | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 01/09/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800039 | 33/MBA/2018 |
| 17 | Trần Mai Thủy         | 5/10/1991  | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 128/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/02/2017 | 02/03/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800040 | 34/MBA/2018 |
| 18 | Hàng Nguyễn Thủy Vy   | 6/7/1989   | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 128/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/02/2017 | 31/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800041 | 35/MBA/2018 |
| 19 | Vô Thành Công         | 13/7/1990  | Bình Định             | Nam | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 31/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800050 | 44/MBA/2018 |
| 20 | Mai Thị Ngọc Ngân     | 26/11/1992 | Trà Vinh              | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 29/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800042 | 36/MBA/2018 |
| 21 | Phạm Thường Quân      | 17/8/1992  | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 31/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800043 | 37/MBA/2018 |
| 22 | Vô Vương Bách         | 16/8/1990  | Bình Định             | Nam | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 30/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800044 | 38/MBA/2018 |
| 23 | Dương Võ Hùng Mạnh    | 17/6/1993  | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 28/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800045 | 39/MBA/2018 |
| 24 | Biện Thanh Trúc       | 18/10/1984 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 619/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 23/08/2017 | 29/08/2017 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800046 | 40/MBA/2018 |
| 25 | Trương Thị Ngọc Tuyết | 5/10/1993  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 106/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 01/02/2018 | 08/02/2018 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800047 | 41/MBA/2018 |
| 26 | Huỳnh Ngọc Thảo Uyên  | 17/8/1993  | Khánh Hòa             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 106/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 01/02/2018 | 08/02/2018 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800048 | 42/MBA/2018 |
| 27 | Nguyễn Huy Cường      | 11/7/1993  | Quảng Ngãi            | Nam | Kinh | Việt Nam | 596/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 27/08/2018 | 31/08/2018 | Quản trị Kinh doanh | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH12201800049 | 43/MBA/2018 |

|    |                      |            |                       |     |      |          |                                   |            |                               |                                  |               |              |
|----|----------------------|------------|-----------------------|-----|------|----------|-----------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------------------|---------------|--------------|
| 28 | Trương Thị Hân       | 2/9/1992   | Quảng Nam             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 222/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 06/04/2018 | 21/04/2018 | Công nghệ Sinh học            | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH14201700019 | 10/MBT/2018  |
| 29 | Lê Ngọc Phương Thanh | 1/9/1992   | Vĩnh Long             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 704/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 20/09/2018 | 02/10/2018 | Công nghệ Sinh học            | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH14201700020 | 11/MBT/2018  |
| 30 | Lê Tấn Định          | 23/2/1985  | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | Kinh | Việt Nam | 181/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 06/03/2018 | 28/03/2018 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700026 | 04/MITM/2018 |
| 31 | Lê Minh Hiếu         | 6/9/1991   | Đồng Tháp             | Nam | Kinh | Việt Nam | 181/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 06/03/2018 | 28/03/2018 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700027 | 05/MITM/2018 |
| 32 | Lê Quốc Thanh        | 3/10/1991  | Long An               | Nam | Kinh | Việt Nam | 181/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 06/03/2018 | 28/03/2018 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700037 | 10/MITM/2018 |
| 33 | Trần Thị Tâm Thanh   | 28/11/1987 | TP. Hồ Chí Minh       | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 637/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 05/09/2017 | 28/09/2017 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700038 | 11/MITM/2018 |
| 34 | Phan Thị Thanh Thảo  | 5/6/1991   | An Giang              | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 181/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 06/03/2018 | 28/03/2018 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700039 | 12/MITM/2018 |
| 35 | Đỗ Trí Túc           | 1/8/1979   | Bình Định             | Nam | Kinh | Việt Nam | 181/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 06/03/2018 | 28/03/2018 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700028 | 06/MITM/2018 |
| 36 | Nguyễn Lê Văn        | 12/2/1989  | Cần Thơ               | Nam | Kinh | Việt Nam | 637/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 05/09/2017 | 28/09/2017 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700029 | 07/MITM/2018 |
| 37 | Lê Nghi Khanh        | 5/10/1984  | Quảng Ninh            | Nam | Kinh | Việt Nam | 649/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 04/09/2018 | 29/09/2018 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700030 | 08/MITM/2018 |
| 38 | Vũ Trần Quý          | 25/12/1993 | Đồng Nai              | Nam | Kinh | Việt Nam | 649/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 04/09/2018 | 29/09/2018 | Quản lý Công nghệ Thông tin   | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700031 | 09/MITM/2018 |
| 39 | Trần Thị Hồng Diễm   | 4/9/1992   | Quảng Ngãi            | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 335/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/05/2017 | 04/05/2017 | Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700032 | 02/MISE/2018 |
| 40 | Bùi Thị Cúc          | 20/2/1990  | Hải Phòng             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 408/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 15/06/2018 | 21/6/2018  | Kỹ thuật Y sinh               | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700033 | 03/MBME/2018 |
| 41 | Bùi Thị Ngọc Phương  | 10/8/1991  | Quảng Ngãi            | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 182/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 06/03/2018 | 23/03/2018 | Kỹ thuật Y sinh               | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700034 | 04/MBME/2018 |
| 42 | Huỳnh Thị Bảo Quyên  | 1/12/1992  | Quảng Nam             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 408/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 15/06/2018 | 21/06/2018 | Kỹ thuật Y sinh               | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSĐH ngày 03/01/2019 | QH15201700040 | 06/MBME/2018 |

|    |                   |       |            |                       |     |      |          |                                   |            |                     |                                  |               |              |
|----|-------------------|-------|------------|-----------------------|-----|------|----------|-----------------------------------|------------|---------------------|----------------------------------|---------------|--------------|
| 43 | Đặng Ngọc Thảo    | Nhi   | 5/9/1994   | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 750/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/10/2018 | 16/10/2018 | Kỹ thuật Y sinh     | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH15201700035 | 05/MBME/2018 |
| 44 | Nguyễn Ngọc Thanh | Tiến  | 12/7/1993  | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | Kinh | Việt Nam | 647/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 04/09/2018 | 20/09/2018 | Công nghệ Thực phẩm | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH15201700036 | 01/MFT/2018  |
| 45 | Phạm Thanh        | Dũng  | 06/09/1973 | Bình Dương            | Nam | Kinh | Việt Nam | 593/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 21/08/2018 | 31/08/2018 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700014 | 05/MPM/2018  |
| 46 | Mạc Thị           | Hợp   | 10/10/1985 | Hải Dương             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 411/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 20/06/2018 | 21/06/2018 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700015 | 03/MPM/2018  |
| 47 | Lê Kim            | Hương | 25/9/1977  | Đồng Tháp             | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 960/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 27/12/2017 | 29/12/2017 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700016 | 04/MPM/2018  |
| 48 | Lý Minh           | Tâm   | 29/10/1982 | Tây Ninh              | Nam | Kinh | Việt Nam | 411/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 20/06/2018 | 21/06/2018 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700017 | 02/MPM/2018  |
| 49 | Nguyễn Thị Hồng   | Tươi  | 14/6/1984  | Bình Dương            | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 178/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 09/03/2017 | 10/03/2017 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700018 | 06/MPM/2018  |
| 50 | Phan Nguyên Ngọc  | Dung  | 20/7/1981  | Đà lạt - Lâm Đồng     | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 593/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 21/08/2018 | 31/08/2018 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700019 | 07/MPM/2018  |
| 51 | Huỳnh Châu Trung  | Hiếu  | 05/08/1989 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | Kinh | Việt Nam | 960/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 27/12/2017 | 29/12/2017 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700020 | 08/MPM/2018  |
| 52 | Trần Ngọc         | Nhung | 04/10/1978 | Tây Ninh              | Nữ  | Kinh | Việt Nam | 960/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 27/12/2017 | 21/06/2018 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700021 | 09/MPM/2018  |
| 53 | Nguyễn Tiến       | Sỹ    | 22/1/1982  | Tây Ninh              | Nam | Kinh | Việt Nam | 411/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 20/06/2018 | 21/06/2018 | Quản lý Công        | 01/QĐ-ĐHQT-ĐTSDH ngày 03/01/2019 | QH13201700022 | 10/MPM/2018  |